

QUYẾT ĐỊNH

UBND. HUYỆN TU MƠ RÔNG về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết Khu Công cộng - Dịch vụ
phía Nam Trung tâm Hành chính - Chính trị huyện Tu Mơ Rông

ĐẾN Số: 15/QĐ-UBND
Ngày: 12/01/2015

Chuyển:.....

Lưu hồ sơ số:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về
lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng
Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 27/08/2010 của UBND tỉnh Kon
Tum về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị
trấn huyện lỵ, huyện Tu Mơ Rông về phía Nam;

Xét đề nghị của UBND huyện Tu Mơ Rông tại Tờ trình số 145/TTr-UBND
ngày 11/12/2014; Báo cáo kết quả thẩm định số 136/BC-SXD ngày 31/7/2013 và
Công văn số 1168/SXD-QLKTQH ngày 15/12/2014 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết Khu Công cộng - Dịch vụ phía
Nam Trung tâm Hành chính - Chính trị huyện Tu Mơ Rông, với các nội dung chủ
yếu như sau (có đồ án Quy hoạch kèm theo):

1. Phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch:

1.1. Phạm vi ranh giới: Khu vực quy hoạch thuộc thôn Mô Pả, xã Đăk Hà,
huyện Tu Mơ Rông. Ranh giới cụ thể như sau như sau:

- Phía Bắc giáp: Khu dân cư thôn Mô Pả.

- Phía Nam giáp: Khe cạn.

- Phía Đông giáp: Đồi cao, rẫy sản xuất.

- Phía Tây giáp: Đồi cao, rẫy sản xuất.

1.2. Diện tích: 120ha.

1.3. Tính chất:

- Là khu công cộng, thương mại, dịch vụ, trung tâm văn hoá, thể thao và giáo
dục của huyện Tu Mơ Rông có vai trò thúc đẩy sự phát triển của huyện và khu vực.

- Là các khu dân cư đô thị hiện trạng cải tạo, chỉnh trang và phát triển mở rộng các khu dân cư mới, bao gồm các công trình công cộng, các khu cây xanh, vườn hoa phục vụ khu dân cư.

2. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật:

2.1. Dân số 2.390 người.

2.2. Chỉ tiêu đất đai, hạ tầng kỹ thuật - xã hội:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu Quy hoạch
1	Chỉ tiêu sử dụng đất		
	Đất cây xanh đô thị	m ² /người	19
	Đất công trình dịch vụ công cộng đô thị	m ² /người	110
2	Hạ tầng xã hội		
	Trường mầm non	chỗ/1000 dân	50
		m ² đất/chỗ học	15
	Trường THCS	chỗ/1000 dân	55
		m ² đất/chỗ học	15
	Trường bán trú DTTS	chỗ/1000 dân	40
		m ² đất/chỗ học	15
	Phòng khám đa khoa	m ² /trạm	3000
3	Hạ tầng kỹ thuật đô thị		
	Cấp nước sinh hoạt	lít/ng/ng.đ	120
	Thoát nước sinh hoạt	lít/ng/ng.đ	80% cấp nước sinh hoạt
	Rác thải	kg/ng/ng.đ	1
	Cấp điện sinh hoạt	KWh/người/năm	1.000

3. Cơ cấu sử dụng đất:

TT	Danh mục sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
A	Đất dân dụng	626.065	52,17
1	Đất ở đô thị	148.460	12,37
2	Đất công trình công cộng	273.260	22,77
3	Đất hành chính - sự nghiệp	29.335	2,44
4	Đất công viên - cây xanh	45.870	3,83
5	Đất giao thông, bãi đỗ xe	129.140	10,76
B	Đất ngoài dân dụng	573.935	47,83
1	Trạm bơm thoát nước thải	2.820	0,23
2	Đất du lịch sinh thái	128.060	10,68

3	Đất rừng tự nhiên	277.920	23,16
4	Đất cây xanh cách ly (<i>đường dây điện 110KV</i>)	9.183	0,77
5	Kè đá	40.450	3,37
6	Sông suối, mặt nước	115.502	9,62
	Tổng cộng	1.200.000	100,00

4. Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, thiết kế đô thị cho từng lô đất:

4.1. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc:

- Trục cảnh quan dọc theo bờ suối ĐắkTer: Là trục dọc theo bờ suối ĐắkTer, kết hợp với xây dựng các công trình kiến trúc nhằm khai thác cảnh quan hai bên bờ suối. Trong đó, việc xác định các dải cây xanh, bồn hoa, công viên dọc hai bên bờ suối nhằm thoả mãn các đặc điểm thẩm mỹ đáp ứng các yêu cầu đô thị hiện đại và có bản sắc truyền thống.

- Điểm nhấn không gian kiến trúc, cảnh quan của đô án là đảo giao thông nằm trên Quốc lộ 40B (*Tỉnh lộ 672 cũ*) kết hợp với các công trình thể dục thể thao, cửa hàng thương mại xung quanh đảo giao thông tạo thành quần thể kiến trúc và là điểm nhấn của khu vực lập quy hoạch.

- Khu vực lập quy hoạch tập trung các công trình như trung tâm thương mại - dịch vụ, bến xe, trường học, một số trụ sở cơ quan, các công trình công cộng và dịch vụ phục vụ cho dân cư toàn thị trấn, bên cạnh đó là các khu ở tập trung dân cư.

- Tận dụng địa hình đa dạng, nhiều cây xanh, bố trí các khu dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng để khai thác tối đa các giá trị về không gian cảnh quan xanh. Bố trí các khu đất phù hợp để tổ chức các khu cây xanh cảnh quan, khu công viên vui chơi, tạo hồ cảnh quan để phục vụ cho việc nghỉ ngơi, giải trí và cải tạo môi trường cho dân cư khu vực và vùng lân cận.

4.2. Thiết kế đô thị cho từng lô đất:

a. Công trình nhà ở:

- Nhà ở hiện trạng chính trang: Gồm các lô đất có ký hiệu HT (*HT1- HT9*), được xây dựng với tầng cao tối đa 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 80%, khoảng lùi xây dựng có thể trùng với chỉ giới đường đỏ.

- Nhà mật độ thấp: Gồm các lô đất ký hiệu N (*N1-N14*), được xây dựng với tầng cao tối đa là 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 50%, khoảng lùi xây dựng tối thiểu 3m.

- Nhà ở đồng bào dân tộc thiểu số: Gồm các lô đất ký hiệu DL (*DL1 và DL2*), các công trình nhà ở của đồng bào dân tộc thiểu số được xây dựng theo kiểu nhà truyền thống, đảm bảo các yếu tố văn hóa của người đồng bào dân tộc thiểu số. Được xây dựng với tầng cao tối đa là 02 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%.

b. Công trình giáo dục: Bao gồm các lô đất ký hiệu GD (*GDI - GD6*), là các công trình giáo dục, trường học phục vụ cho huyện Tu Mơ Rông. Được xây dựng với tầng cao tối đa là 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa 40%, khoảng lùi xây dựng tối thiểu là 6,0m.

c. Công trình y tế: Lô đất có ký hiệu YT, được xây dựng với tầng cao tối đa 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa là 40%, khoảng lùi xây dựng tối thiểu là 6,0m.

d. Công trình Thể dục thể thao: Lô đất có ký hiệu TDTT, xây dựng sân bãi thể dục thể thao và các công trình phụ trợ. Được xây dựng với tầng cao tối đa 02 tầng, mật độ xây dựng tối đa là 20%, khoảng lùi xây dựng tối thiểu là 6,0m.

e. Công trình dịch vụ, thương mại: Gồm các lô đất ký hiệu C (*C1 - C5*), có chức năng thương mại dịch vụ, chợ. Được xây dựng với tầng cao 01 - 05 tầng, mật độ xây dựng tối đa 60%, khoảng lùi tối thiểu 6,0m. Riêng lô đất xây dựng chợ, ký hiệu C1 chỉ được phép xây dựng với mật độ xây dựng tối đa 40%.

f. Công trình hành chính sự nghiệp: Gồm các lô đất có ký hiệu Q (*Q1-Q7*), có chức năng trụ sở cơ quan, văn phòng các đơn vị sự nghiệp,... Được xây dựng với tầng cao tối đa 05 tầng, mật độ xây dựng tối đa là 40%, khoảng lùi xây dựng tối thiểu là 6,0m.

* Bảng tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất của từng lô đất: Có Phụ lục kèm theo.

5. Nguồn cung cấp và giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật đến từng lô đất:

5.1. Quy hoạch san nền, thoát nước mưa:

a. San nền: Tổ chức tôn nền, tạo mặt bằng xây dựng công trình.

- Phù hợp đặc điểm địa hình miền núi, tận dụng triệt để địa hình tự nhiên để hạn chế khối lượng đào, đắp nền.

- Cao độ san nền hợp lý, đấu nối với mạng lưới giao thông bên ngoài, phù hợp với yêu cầu, cao độ không chế chung của khu vực.

- Đảm bảo thoát nước mặt và thoát nước thải sinh hoạt thuận lợi.

- Khai thác tối đa mặt bằng và diện tích đất để tạo quỹ đất xây dựng nhà ở, các công trình dịch vụ công cộng.

b. Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước: Thiết kế mạng lưới thoát nước chảy riêng.

- Chọn kết cấu: Sử dụng kết cấu cống thoát nước kiên cố bằng mương bê tông với các tiết diện tính toán phù hợp với lưu lượng dòng chảy và tốc độ thoát nước.

- Hướng thoát nước: Nước mưa thoát chính các suối nhỏ rồi chảy ra suối Đăk Ter.

- Phân lưu vực: Diện tích đất quy hoạch trung tâm Khu Công cộng - Dịch vụ phía Nam Trung tâm Hành chính - Chính trị huyện Tu Mơ Rông được chia ra làm 2 lưu vực thoát nước chính.

+ Lưu vực 1: Là diện tích phía Đông suối Đăk Ter. Có diện tích khoảng 17.7ha. Mạng lưới thoát nước mặt được thiết kế hệ thống mương 600x800. Chảy dọc các tuyến đường ra các hợp thủy sau đó ra suối Đăk Ter.

+ Lưu vực 2: Là diện tích phía Tây suối Đăk Ter. Có diện tích khoảng 103.1ha. Mạng lưới thoát nước mặt được thiết kế hệ thống mương có kích thước 600x800, 800x1000; nước mưa chảy dọc theo các tuyến đường ra các hợp thủy sau đó ra suối Đăk Ter.

5.2. Quy hoạch Giao thông:

a. Giải pháp quy hoạch:

- Mạng lưới giao thông trong đô thị được tổ chức xây dựng theo dạng hỗn hợp và chạy theo địa hình, lấy các trục đường chính quy hoạch chung đã được phê duyệt và các dự án đang được triển khai làm trục xương sống chủ đạo để phát triển mạng lưới giao thông toàn đô thị kết nối các khu chức năng với nhau tạo mạng lưới giao thông hoàn chỉnh.

- Đường trục chính đô thị: Có chức năng kết nối giao thông giữa các khu chức năng của khu vực lập quy hoạch, các tuyến đường trục chính đô thị có lộ giới 23m.

- Giao thông nội bộ: Mạng lưới giao thông nội bộ được thiết kế đảm bảo giao thông thuận tiện nhất trong nội bộ khu vực và giữa các khu với nhau. Đảm bảo tính cơ động với đường giao thông liên khu và tính tiếp cận với đường nội bộ.

b. Lộ giới của các tuyến giao thông trong khu vực quy hoạch.

- Các tuyến giao thông chính:

+ Đường mặt cắt 1-1: Lộ giới 23,0m (vía hè mỗi bên rộng 3,5m, lòng đường mỗi bên rộng 7,5m, dải phân cách rộng 1m).

+ Đường mặt cắt 2-2: Lộ giới 13,5m (vía hè mỗi bên rộng 3,0m, lòng đường rộng 7,5m).

- Các tuyến giao thông nội bộ có lộ giới từ 3m đến 10,5m.

5.3. Quy hoạch Cấp nước:

- Nguồn nước: Nguồn nước của Khu Công cộng - Dịch vụ phía Nam trung tâm Hành chính - Chính trị huyện Tu Mơ Rông sẽ được đầu nối trực tiếp với mạng lưới cấp nước của Khu Dân cư phía Nam Trung tâm Hành chính - Chính trị huyện Tu Mơ Rông.

- Giải pháp thiết kế:

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế kết hợp với hệ thống cấp nước sinh hoạt để tiết kiệm chi phí đầu tư.

+ Trên tuyến ống chính tại các ngã ba và ngã tư bố trí các họng cấp nước chữa cháy.

+ Mạng lưới cấp nước chủ yếu là mạng lưới vòng để đảm bảo độ an toàn cấp nước liên tục khi có sự cố xảy ra. Sử dụng mạng cụt cho một số tuyến phụ đảm bảo cấp nước đến từng công trình.

+ Thiết kế hệ thống cấp nước sử dụng các ống nhựa HDPE đường kính ống từ D50 đến D200.

+ Bố trí van khóa, van xả cạn, van xả khí tại những vị trí thích hợp để thuận tiện trong việc sửa chữa cũng như giúp cho mạng lưới vận hành đạt hiệu quả cao nhất.

5.4. Quy hoạch cấp điện:

a. Nguồn điện: Hiện tại khu quy hoạch sử dụng nguồn điện được lấy từ lưới điện quốc gia, đấu nối từ đường dây 22KV kéo từ trạm biến áp E46 110/22KV Đắk Tô.

b. Mạng lưới và giải pháp quy hoạch cấp điện:

- Lưới điện: Được thiết kế đi nổi, khi điều kiện kinh tế cho phép cần cải tạo dần các tuyến đường dây đi nổi trong nội thị thành cáp ngầm.

+ Lưới điện trung thế: Sử dụng điện áp 22KV mạng 3 pha 3 dây treo trên cột điện bê tông ly tâm. Cấp trung thế sử dụng cáp bọc, cách điện XLPE.

+ Lưới hạ thế: Lưới hạ thế có cấp điện áp 380/220V. Kết cấu mạng 3 pha 4 dây treo trên cột điện bê tông ly tâm. Cấp hạ thế sử dụng cáp bọc vặn xoắn, cách điện XLPE.

+ Lưới chiếu sáng: Lưới điện chiếu sáng có cấp điện áp 380/220V. Kết cấu mạng 3 pha 4 dây. Nguồn điện cho các đèn đường được lấy từ các máy biến áp 22/0.4KV 3 pha treo trên cột.

5.5. Quy hoạch thoát nước thải, vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải của khu vực quy hoạch được thiết kế riêng hoàn toàn, nước thải từ các hộ gia đình, các công trình công cộng, khu dịch vụ...được xử lý sơ bộ bằng bể lắng và bể tự hoại trước khi đổ vào hệ thống thoát nước thải của khu vực.

- Lượng nước thải của khu vực phía Tây sẽ được đưa về trạm bơm nước thải đặt tại phía Đông Nam của khu vực quy hoạch. Sau đó được bơm lên tuyến cống D315mm nằm trên tuyến giao thông chạy dọc suối Đắk Ter và đưa về trạm xử lý.

- Tất cả lượng nước thải của các khu vực còn lại cũng được thu gom và đổ vào tuyến cống chính D315mm và đưa về trạm xử lý.

b. Chất thải rắn sinh hoạt của các khu dân cư và các công trình công cộng, dịch vụ được tiến hành tổ chức thu gom trên các trục đường giao thông, sử dụng các thùng rác công cộng để thu gom chất thải rắn sinh hoạt, lắp đặt các thùng thu gom rác thải sinh hoạt trên các hè phố, các thùng thu gom có nắp đậy để bảo đảm vệ sinh môi trường. Hàng ngày xe của Công ty Môi trường đi thu gom và vận chuyển chất thải rắn đến khu xử lý chất thải rắn.

6. Giải pháp tái định cư:

- Tổ chức tái định cư tại chỗ, mức đền bù công trình, vật kiến trúc, hoa màu... theo quy định của Nhà nước có áp dụng linh hoạt theo từng hoàn cảnh của các hộ dân để xác định mức hỗ trợ phù hợp.

- Đối với phần đất thuộc quyền sử dụng của dân, nhà đầu tư thoả thuận với dân để đầu tư xây dựng theo nguyên tắc các bên đều có lợi. Ưu tiên phương án tái định cư tại chỗ cho nhân dân trong khu vực quy hoạch. Bồi thường hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất đối với trường hợp thu hồi đất ở, đất sản xuất nông nghiệp.

- Tổ chức chuyển đổi ngành nghề, đào tạo, dạy nghề, cập nhật kiến thức để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế trong quá trình đô thị hóa cho lao động của địa phương.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường:

- Tổ chức thực hiện tốt chương trình giám sát môi trường theo quy định.

- Từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thu gom triệt để các loại nước thải và tổ chức tốt việc thu gom, xử lý chất thải rắn.

- Đảm bảo xây dựng theo đúng mật độ xây dựng quy định và tổ chức hệ thống vườn hoa, cây xanh nhằm hạn chế tối thiểu chất ô nhiễm khuếch tán trong môi trường không khí.

- Có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong giai đoạn xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Có giải pháp bảo vệ và bổ sung diện tích cây xanh, cải thiện điều kiện khí hậu trong các khu dân cư hiện có và tăng cường cây xanh ven các tuyến đường nhằm giảm bụi và tiếng ồn.

8. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện:

8.1. Phân kỳ đầu tư:

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật (*cấp điện, nước, hào kỹ thuật, thoát nước bản...*) dọc các tuyến đường: Quốc lộ 40B (*Tỉnh lộ 672 cũ*), tuyến đường mặt cắt 2-2, 3-3, tuyến kè dọc suối ĐăkTer, các tuyến đường nội bộ khu vực tập trung các công trình thương mại, giáo dục...

- Các công trình Hạ tầng xã hội: Bến xe, chợ khu vực, trường học...

8.2. Nguồn lực thực hiện: Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Đồ án Quy hoạch chi tiết Khu Công cộng - Dịch vụ phía Nam trung tâm Hành chính - Chính trị huyện Tu Mơ Rông được phê duyệt là cơ sở để quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch.

Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch UBND huyện Tu Mơ Rông chịu trách nhiệm về kết quả quản lý và tổ chức thực hiện các nội dung của đồ án Quy hoạch đã được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tư Mơ Rông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA TỪNG LÔ ĐẤT

(kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND, ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh)



1. Quy hoạch sử dụng đất

STT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tầng cao (Tầng)	MĐXD (%)	Hệ số SĐĐ
1	Đất ở hiện trạng chính trang	HT1-HT9				
		HT1	2.230	1-3	80	2,4
		HT2	5.355	1-3	80	2,4
		HT3	7.880	1-3	80	2,4
		HT4	7.090	1-3	80	2,4
		HT5	1.565	1-3	80	2,4
		HT6	1.210	1-3	80	2,4
		HT7	1.245	1-3	80	2,4
		HT8	635	1-3	80	2,4
		HT9	860	1-3	80	2,4
2	Đất ở (mật độ thấp)	N1-N14				
		N1	3.145	1-3	50	1,5
		N2	4.190	1-3	50	1,5
		N3	6.835	1-3	50	1,5
		N4	14.560	1-3	50	1,5
		N5	9.100	1-3	50	1,5
		N6	19.655	1-3	50	1,5
		N7	4.025	1-3	50	1,5
		N8	19.730	1-3	50	1,5
		N9	3.150	1-3	50	1,5
		N10	2.180	1-3	50	1,5
		N11	8.710	1-3	50	1,5
		N12	4.280	1-3	50	1,5
		N13	2.785	1-3	50	1,5
		N14	2.280	1-3	50	1,5
3	Đất ở đồng bào	DL1 - DL2				
		DL1	4.745	1-2	40	0,8
		DL2	11.020	1-2	40	0,8

2. Quy hoạch đất công trình công cộng:

STT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu	D. tích (m ²)	Tầng cao (Tầng)	MĐXD (%)	Hệ số SĐĐ
1	Đất công trình giáo dục	GD1-GD6				
a	Trường mầm non xã Đăk Hà	GD1	3.185	1-3	40	1,2
b	Trung tâm dạy nghề Tu Mơ Rông	GD2	21.550	1-3	40	1,2
c	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	GD3	12.710	1-3	40	1,2
d	Trường THPT bán trú	GD4	25.065	1-3	40	1,2
e	Trường THCS xã Đăk Hà	GD5	18.540	1-3	40	1,2
f	Trường tiểu học	GD6	17.545	1-3	40	1,2
2	Đất công trình y tế	YT				
	Bệnh viện đa khoa huyện		34.600	1-3	40	1,2
3	Đất thể dục thể thao	TDTT	47.900			
4	Đất công trình dịch vụ - thương mại	C1- C4				
a	Chợ (<i>thương mại - d.vụ</i>)	C1	12.275	1-3	40	1,2
b	Cửa hàng dịch vụ	C2	1.660	2-5	60	3,0
		C3	12.180	2-5	60	3,0
		C4	7.740	2-5	60	3,0
5	Đất dự trữ công cộng	DT	49.685			

3. Quy hoạch đất hành chính sự nghiệp:

STT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu	D. tích (m ²)	Tầng cao (Tầng)	MĐXD (%)	Hệ số SĐĐ
1	Bảo hiểm xã hội huyện Tu Mơ Rông	Q1	5.745	2-5	40	2.0
2	Ban Quản lý rừng phòng hộ	Q2	4.380	2-5	40	2.0
3	Hạt kiểm lâm	Q3	4.240	2-5	40	2.0
4	Chi cục Thống kê	Q4	3.580	2-5	40	2.0
5	Điện lực huyện	Q5	2.750	2-5	40	2.0
6	Phòng Giáo dục	Q6	4.650	2-5	40	2.0
7	Phòng Văn hóa - Thông tin	Q7	3.990	2-5	40	2.0

4. Quy hoạch đất cây xanh:

STT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu	D. tích (m ²)	Tầng cao (Tầng)	MĐXD (%)	Hệ số SĐĐ
	Công viên- cây xanh	CV	3.310	1	5	0,05